

Số: **19** /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **23** tháng **6** năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 9/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... 5
	Ngày:.. 01/7

Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 9/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Đưa ra khỏi Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam tại Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 9/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Thông tư 38/2013/TT-BNNPTNT) bao gồm: 107 loại phân bón (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này*); dạng lỏng của 02 loại phân bón lá, dạng bột của 03 loại phân bón lá (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung tên sản phẩm; tổ chức, cá nhân đăng ký phân bón tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT, gồm 04 loại phân bón (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **07** tháng **8** năm 2014.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Bộ;
- VP Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan; Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ; ✓
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VT, TT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục 1

DANH MỤC PHÂN BÓN ĐƯA RA KHỎI

THÔNG TƯ 38/2013/TT-BNNPTNT NGÀY 9/8/2013 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

19

(Ban hành kèm theo Thông tư 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 9/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. PHÂN HỮU CƠ

TT tại Thông tư 38/2013/TT- BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần 1 - TT6	1	TNP-Đồng tiền vàng 06	%	HC: 25; Axit Humic: 5; Axit Fulvic: 1,5; N: 2,5; Azadirachtin: 2; Nicotoids: 2; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX TM Thuận Nông Phát
			ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	
Phụ lục 1 - Phần 1 - TT7	2	TNP-Đồng tiền vàng 08	%	HC: 25; Axit Humic: 6; Axit Fulvic: 2; N: 2,5; CaO: 2; S: 0,05; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	
			ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	

II. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT tại Thông tư 38/2013/TT- BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục I - Phần II - TT14	1	FOUNDAN AGRO NPK 12-3-3+OM+TE	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-3-3; Ca: 2,4; S: 7; Độ ẩm 16	CT TNIII Foundan Agro
			ppm	Fe: 2000; Zn: 35; Cu: 6	
Phụ lục I - Phần II - TT27	2	Ích Nông IN2 4-2-2	%	HC: 18; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH TMDV XNK Lộc Vũng
			ppm	Zn: 300; Fe: 200; B: 200	

Phụ lục 1- Phần II- TT39	3	Phú Hưng	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2,5-2,5; Độ ẩm: 25	HKD CS Phân bón lá Phú Hưng
Phụ lục 1- Phần II- TT58	4	Bông Sen 1 (NPK)	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-4; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20	
			pH: 5-7		
Phụ lục 1- Phần II- TT59	5	Bông Sen 2	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-1-3; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20	
			pH: 5-7		
Phụ lục 1- Phần II- TT60	6	Bông Sen 4	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-3-7; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX TM DV Thuận Thảo Thiện
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20	
			pH: 5-7		
Phụ lục 1- Phần II- TT61	7	Bông Sen 5	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20	
			pH: 5-7		
Phụ lục 1- Phần II- TT70	8	VT-GROW cho cây ngắn ngày		HC: 20; Axit Humic: 15; Axit Fulvic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-2-5; SiO ₂ : 1; Ca: 5; Zn: 0,05; Cu: 0,05; B: 0,03; Fe: 0,025; Mn: 0,025; Mg: 0,05; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX&TM Việt Trung
			ppm	α-NAA: 50	
				pH: 7,6	

III. PHẦN HỮU CƠ SINH HỌC

TT tại Thông tư 38/2013/TT- BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1- Phần III-TT1	1	AMl-AMl-α	%	HC: 23 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Axit Amin (<i>Alanine</i> ; <i>Axit Glutamic</i> ; <i>Lysine</i> ; <i>Threonine</i>): 2,5	CT Ajinomoto Việt Nam
				pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,1-1,25	

Phụ lục I- Phần III-TT8	2	BM-HUMIC	%	HC: 22; Axit Humic: 10; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-2; Ca: 0,1; S: 0,1; Mg: 0,05; Độ ẩm: 20	CT TNHH DV NC SX GCT Bình Minh
			ppm	Cu: 500	
				pH: 5-7	
Phụ lục I-Phần III-TT10	3	Alaska 5-1-1	%	HC: 22; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-1-1; Độ ẩm: 25	CT TNHH Đạt Nông [NK từ Hoa Kỳ]
			ppm	Ca: 200; S: 100; Mg: 100; Fe: 100; Mn: 100; Zn: 100; Cu: 100	
Phụ lục I- Phần III-TT11	4	Điện Trang-Trimix-Super cho cây ngắn ngày	%	HC: 22; Axit Humic: 2,5; N: 2,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH Điện Trang
Phụ lục I- Phần III-TT14	5	Bông Lúa Vàng NPK: 2,5-1-1-23HC	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 25	CT CP VSMTĐT Hà Nội
Phụ lục I- Phần III-TT18	6	Phú Nông 2-1-1	%	IIC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-1-1; Độ ẩm: 25	DN TN TM DV Xây Dựng Huyện Ngân
				pH: 5,5-7	
Phụ lục I- Phần III-TT19	7	HTC 18	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-3-1; Độ ẩm: 25	CT CP KT và DV TMPT HTC COM
Phụ lục I- Phần III-TT24	8	Ích Nông IN1 3-1,5-1,5	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1,5-1,5; CaO: 4; MgO: 2,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH TMDV XNK Lộc Vùng
			ppm	Zn: 300; Fe: 200; B: 200	
Phụ lục I- Phần III-TT33	9	Biotcd-PB 4-3-2	%	HC: 45; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-2; Ca: 4,5; Mn: 0,02; Mg: 0,3; Cu: 0,02; S: 0,3; B: 0,2; Fe: 0,16; Zn: 0,004; Mo: 0,003; Độ ẩm: 25	CT TNHH PTKT Vĩnh Long
				pH: 5-7	

002

Phụ lục 1- Phần III-TT34	10	Wokoziim	%	HC: 25,6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-0,05-1; Axit amin (<i>Proline</i> ; <i>Alanine</i> ; <i>Glycine</i>): 2	CT CP CN TCSSH Vinh Thinh [NK từ Ăn Độ]
			ppm	Fe: 900; Cu: 500; Zn: 1.800; Mn: 2.100	
Phụ lục 2- Phần III-TT5	11	Con Sóc (DSM) 4-2-2	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Ca: 0,05; Mg: 0,012; Fe: 0,01; Độ ẩm: 20	CT TNHH Dòng Sông Mới
				pH: 5-7	
Phụ lục 2- Phần III-TT7	12	Nam Việt NV2: 3-2-2 (Navi-Bio Organic)	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-2; CaO: 4; MgO: 1,5; Độ ẩm: 20	CT TNHH SX & TM Nam Việt; CT TNHH SX & TM Nam Việt Ninh Thuận
			ppm	Zn: 300; Fe: 200; B: 200	
				pH: 6,5	

IV. PHẦN HỮU CƠ VỊ SINH

TT tại Thông tư 38/2013/TT- BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1- Phần IV-TT17	1	Điện Trang-Tricho mix- N cho cây ngắn ngày	%	HC: 15; Độ ẩm: 30	CT TNHH Điện Trang
Phụ lục 1- Phần IV-TT18	2	Điện Trang-Tricho mix-P cho cây ngắn ngày	Cfu/g	<i>Trichoderma spp</i> ; <i>Azotobacter</i> : 1x10 ⁶ mỗi loại	
			%	HC: 15; Độ ẩm: 30	
			Cfu/g	<i>Trichoderma spp</i> ; <i>Bacillus subtilis</i> : 1x10 ⁶ mỗi loại	
Phụ lục 1- Phần IV-TT19	3	Điện Trang-NEEM cho cây ngắn ngày	%	HC: 15; Độ ẩm: 30	CT CP PB Fitohoocmon
Phụ lục 1- Phần IV-TT32	4	Fitohoocmon 34	Cfu/g	<i>Trichoderma spp</i> : 1x10 ⁶ mỗi loại	
			%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; Độ ẩm: 30	
			Cfu/g	<i>Pseudomonas sp</i> ; <i>Mucor</i> ; <i>Bacillus sp</i> : 1 x 10 ⁶ mỗi loại	

002